

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ DỆT, MAY
KHÓA 2020 – 2024

Hải Dương, 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	: Công nghệ dệt, may
Ngành đào tạo	: Công nghệ dệt, may (Textile, Garment Technology)
Mã ngành	: 7540204
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

(Ban hành theo 405/QĐ-ĐHSD, ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ dệt, may có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành vững chắc; có kỹ năng thiết kế, phát triển, may các sản phẩm từ cơ bản đến nâng cao; sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành về thiết kế, nháy mẫu, giác sơ đồ; tính toán, thiết kế, vận hành được dây chuyền sản xuất may công nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học nâng cao trình độ, thích ứng cao với môi trường kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân công nghệ dệt, may; làm được các công việc của cán bộ kỹ thuật, quản lý, tổ chức sản xuất; có khả năng nghiên cứu, đào tạo và kinh doanh trong lĩnh vực dệt, may.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về khoa học, xã hội & nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về trình bày bản vẽ, tính chất và cách sử dụng các loại vật liệu dệt may, các hệ thống cỡ số và phương pháp sửa chữa các thiết bị may thông dụng...

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế các chủng loại trang phục, thiết lập tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, lập kế hoạch, điều hành sản xuất. Cải tiến, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức sản xuất. Ứng dụng và phát triển công nghệ

mới, hiện đại trong ngành may công nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Vận dụng các phương pháp thiết kế để thiết kế các sản phẩm quần áo thông dụng và thời trang.

1.2.2.2. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm may công nghiệp. Có khả năng giải quyết các công việc như: chuẩn bị mẫu sản xuất, công nghệ, nguyên phụ liệu, triển khai quá trình cắt nguyên phụ liệu, quá trình may và quá trình hoàn tất các sản phẩm may.

1.2.2.3. Có khả năng phân tích thao tác để cải tiến thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học để giải quyết bài toán về năng suất của các doanh nghiệp may.

1.2.2.4. Thiết kế được dây chuyền may, tổ chức và điều hành sản xuất. Đề xuất các biện pháp kỹ thuật nhằm cải tiến và nâng cao hiệu suất của thiết bị, máy móc trong may công nghiệp.

1.2.2.5. Ứng dụng được phần mềm chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.6. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến sản xuất may công nghiệp

1.2.2.7. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Có những kiến thức về lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Có kiến thức về vật liệu dệt may, thiết bị may, thiết kế trang phục, tổ chức và điều hành sản xuất...và những kiến thức về mỹ thuật, thiết kế thời trang.

2.1.5. Có kiến thức về phân tích quy trình công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất, kiểm tra, giám sát và điều hành quá trình sản xuất may công nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thiết kế, may thành thạo các loại sản phẩm may cơ bản, biến kiểu và nâng cao.

2.2.2. Nhận biết, phân loại, sử dụng và bảo quản các loại nguyên phụ liệu may.

2.2.3. Xây dựng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và triển khai sản xuất. Xử lý và giải quyết các tình huống phát sinh trong sản xuất. Phân tích và cải tiến thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học.

2.2.4. Xây dựng định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, lập phương án giá thành sản phẩm và lập kế hoạch sản xuất.

2.2.5. Tổ chức quản lý chất lượng và điều hành dây chuyền sản xuất trong doanh nghiệp may.

2.2.6. Sử dụng các phần mềm chuyên ngành để thiết kế, giác sơ đồ trên máy tính và vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản xuất may công nghiệp.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp kỹ thuật tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan thuộc lĩnh vực may công nghiệp.

2.2.8. Đạt trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.

2.3.3. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt công nghệ và kỹ thuật.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả năng suất và chất lượng trong may công nghiệp.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không tính học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh, Kỹ năng mềm).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	40	3
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
4	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - Nhân văn	4	4	0
8.1.2.1		PHÂN BẬT BUỘC	2	2	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
8.1.2.2		PHẦN TỰ CHỌN (<i>chọn 1 trong 2 học phần sau</i>)	2	2	0
7	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
8	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (<i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i>)	11	11	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	11	11	0
9	TANH 001	Tiếng Anh 1	2	2	0
10	TANH 002	Tiếng Anh 2	2	2	0
11	TANH 003	Tiếng Anh 3	2	2	0
12	TANH 004	Tiếng Anh 4	2	2	0
13	TANH 024	Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	11	11	0
14	TTRUNG 004	Tiếng Trung 1	2	2	0
15	TTRUNG 005	Tiếng Trung 2	2	2	0
16	TTRUNG 006	Tiếng Trung 3	2	2	0
17	TTRUNG 007	Tiếng Trung 4	2	2	0
18	TTRUNG 008	Tiếng Trung 5	3	3	0
8.1.3.3		Tiếng Nhật	11	11	0
19	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1	2	2	0
20	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2	2	2	0
21	TNHAT 003	Tiếng Nhật 3	2	2	0
22	TNHAT 004	Tiếng Nhật 4	2	2	0
23	TNHAT 005	Tiếng Nhật 5	3	3	0
8.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên – Tin học	17	14	3
24	TOAN 004	Toán ứng dụng A1	3	3	0
25	TOAN 005	Toán ứng dụng A2	3	3	0
26	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1	3	2	1
27	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2	2	2	0
28	HOA 002	Hóa học ứng dụng D	2	2	0
29	TINCB 001	Tin học cơ bản 1	2	1	1
30	TINCB 002	Tin học cơ bản 2	2	1	1

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	103	44	59
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	16	15	1
31	CNDM 001	An toàn lao động trong may công nghiệp	2	2	0
32	CNDM 002	Cơ sở thiết kế trang phục	3	3	0
33	CNDM 003	Hệ thống cỡ số trang phục	2	2	0
34	CNDM 004	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	3	2	1
35	CNDM 005	Vật liệu dệt may	2	2	0
36	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2	0
37	DDT 003	Kỹ thuật điện	2	2	0
8.2.2		Kiến thức ngành	67	29	38
8.2.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	59	27	32
38	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1	2	2	0
39	CNDM 018	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may	3	3	0
40	CNDM 021	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark	4	0	4
41	CNDM 023	Thiết kế trang phục 1	4	4	0
42	CNDM 024	Thiết kế trang phục 2	3	3	0
43	CNDM 028	Thực hành may 1	5	0	5
44	CNDM 029	Thực hành may 2	5	0	5
45	CNDM 033	Thực hành thiết kế trang phục	4	0	4
46	CNDM 035	Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0
47	CNDM 009	Công nghệ may trang phục 2	4	4	0
48	CNDM 010	Công nghệ may trang phục 3	3	3	0
49	CNDM 011	Đồ án công nghệ may	1	0	1
50	CNDM 012	Đồ án thiết kế trang phục	1	0	1
51	CNDM 025	Thiết kế trang phục 3	3	3	0
52	CNDM 026	Thiết kế và điều hành dây chuyền may	3	3	0
53	CNDM 027	Thực hành công nghệ may	3	0	3
54	CNDM 030	Thực hành may 3	5	0	5
55	CNDM 031	Thực hành may 4	4	0	4
8.2.2.2		PHẦN TỰ CHỌN 1 (chọn 2 trong 4 học phần sau)	4	2	2
56	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục	2	2	0
57	CNDM 017	Quản lý đơn hàng ngành may	2	2	0
58	CNDM 020	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra	2	0	2
59	CNDM 022	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex	2	0	2
8.2.2.3		PHẦN TỰ CHỌN 2 (chọn 2 trong 4 học phần sau)	4	0	4
60	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may	2	0	2
61	CNDM 016	Phát triển mẫu trên Manocanh	2	0	2
62	CNDM 019	Sáng tác mẫu thời trang	2	0	2

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
63	CNDM 034	Thực hành thiết kế trang phục trẻ em	2	0	2
8.2.3		Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	20	0	20
64	CNDM 402	Thực tập sản xuất	3	0	3
65	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
66	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp (hoặc học thêm một số học phần chuyên môn)	10	0	10
67	CNDM 007	Chế tạo cỡ gá may công nghiệp	3	0	3
68	CNDM 014	Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp	5	0	5
69	CNDM 032	Thực hành may các sản phẩm dệt kim	2	0	2
		Tổng (Tín chỉ)	146	84	62

*** CÁC HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN**

TT	Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Giáo dục thể chất	3	0	3
2	Giáo dục quốc phòng và an ninh	165h (4TC)		
3	Kỹ năng mềm	15	8	7

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

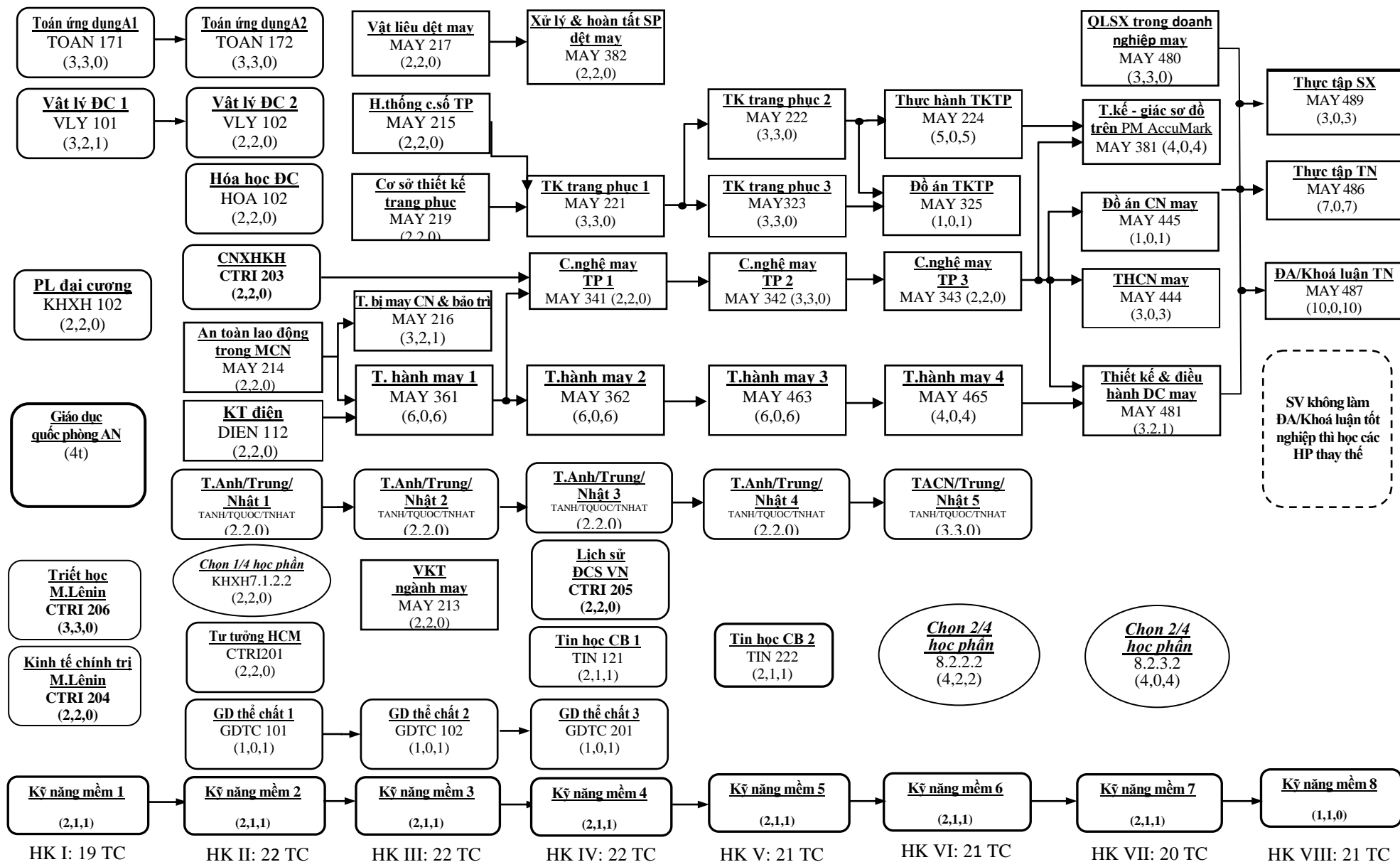
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
1.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x														x			
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lenin	x														x			
3.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x														x			
4.	CTRI 004	Triết học Mác-Lênin	x														x			
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x														x			
6.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh			x									x			x			x
7.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	x														x			
8.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học			x									x			x			x
9.	TANH 001	Tiếng Anh 1			x										x		x			
10.	TANH 002	Tiếng Anh 2			x										x		x			
11.	TANH 003	Tiếng Anh 3			x										x		x			
12.	TANH 004	Tiếng Anh 4			x										x		x			
13.	TANH 024	Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may			x										x		x			
14.	TTRUNG004	Tiếng Trung 1			x										x		x			
15.	TTRUNG005	Tiếng Trung 2			x										x		x			
16.	TTRUNG006	Tiếng Trung 3			x										x		x			
17.	TTRUNG007	Tiếng Trung 4			x										x		x			
18.	TTRUNG008	Tiếng Trung 5			x										x		x			
19.	TNHAT 001	Tiếng Nhật 1			x										x		x			
20.	TNHAT 002	Tiếng Nhật 2			x										x		x			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
21.	TNHAT003	Tiếng Nhật 3			x										x	x			
22.	TNHAT004	Tiếng Nhật 4			x										x	x			
23.	TNHAT005	Tiếng Nhật 5			x										x	x			
24.	TOAN004	Toán ứng dụng A1			x						x			x		x	x		
25.	TOAN005	Toán ứng dụng A2			x						x			x		x	x		
26.	VLY001	Vật lý ứng dụng A1			x									x		x	x		
27.	VLY002	Vật lý ứng dụng A2			x									x		x	x		
28.	HOA002	Hóa học ứng dụng D			x									x		x	x		
29.	TINCB001	Tin học cơ bản 1		x												x			
30.	TINCB002	Tin học cơ bản 2		x												x			
31.	CNDM001	An toàn lao động trong máy công nghiệp				x										x			x
32.	CNDM002	Cơ sở thiết kế trang phục				x										x			
33.	CNDM003	Hệ thống cỡ số trang phục				x										x			
34.	CNDM004	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì				x								x		x	x		x
35.	CNDM005	Vật liệu dệt may				x			x							x			
36.	CNDM006	Vẽ kỹ thuật ngành may				x										x			x
37.	CNDM008	Công nghệ may trang phục 1				x										x			
38.	CNDM009	Công nghệ may trang phục 2				x	x			x	x					x	x		x
39.	CNDM010	Công nghệ may trang phục 3				x	x									x	x	x	x
40.	CNDM011	Đồ án công nghệ may				x	x	x						x		x	x	x	x
41.	CNDM012	Đồ án thiết kế trang phục				x		x						x		x	x	x	x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
42.	CNDM 013	Đồ hoạ kỹ thuật ứng dụng ngành may			x								x			x	x		x
43.	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục				x										x			
44.	CNDM 016	Phát triển mẫu trên Manơcanh				x		x								x	x	x	x
45.	CNDM 017	Quản lý đơn hàng ngành may				x	x				x	x	x		x		x	x	x
46.	CNDM 018	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may				x	x				x		x		x		x	x	
47.	CNDM 019	Sáng tác mẫu thời trang				x		x								x			x
48.	CNDM 020	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra				x		x						x		x		x	x
49.	CNDM 021	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark				x		x						x		x		x	x
50.	CNDM 022	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex				x		x						x		x		x	x
51.	CNDM 023	Thiết kế trang phục 1				x		x								x	x	x	
52.	CNDM 024	Thiết kế trang phục 2				x		x								x	x	x	x
53.	CNDM 025	Thiết kế trang phục 3				x		x								x	x	x	x
54.	CNDM 026	Thiết kế và điều hành dây chuyền may				x	x				x		x		x		x	x	x
55.	CNDM 027	Thực hành công nghệ may				x	x				x					x		x	x
56.	CNDM 028	Thực hành may 1				x	x	x	x	x						x		x	x
57.	CNDM 029	Thực hành may 2				x	x	x	x	x				x		x		x	x
58.	CNDM 030	Thực hành may 3				x	x	x	x	x				x		x		x	x
59.	CNDM 031	Thực hành may 4				x	x	x	x	x				x		x		x	x
60.	CNDM 033	Thực hành thiết kế trang phục				x		x								x		x	x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
61.	CNDM 034	Thực hành thiết kế trang phục trẻ em				x		x								x	x	x	x
62.	CNDM 035	Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may				x			x							x			x
63.	DDT 003	Kỹ thuật điện			x											x			
64.	CNDM 402	Thực tập sản xuất				x	x	x								x	x	x	x
65.	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
66.	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
67.	CNDM 007	Chế tạo cỡ gá may công nghiệp				x							x			x	x	x	x
68.	CNDM 014	Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp				x	x	x					x			x	x	x	x
69.	CNDM 032	Thực hành may các sản phẩm dệt kim				x	x	x					x			x	x	x	x
70.	GDTC	Giáo dục thể chất	x													x			
71.	GDQPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	x													x			
72.	KNM	Kỹ năng mềm												x		x	x		

10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN – HỆ ĐẠI HỌC

11.1. Mô tả các học phần

1. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Kinh tế chính trị Mac-Lenin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

4. Triết học Mác – Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: Vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung,

quan điểm cơ bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

8. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

9. Tiếng Anh 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định,... Phân biệt được các thời động từ: hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

10. Tiếng Anh 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về động từ to be và động từ thường trong quá khứ, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và thì hiện tại hoàn thành.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh, thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị,...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

11. Tiếng Anh 3

Học phần này chia thành 7 chủ điểm. Mỗi chủ điểm tập trung luyện tập 1 hiện tượng ngữ pháp, từ vựng khác nhau tập trung vào các nội dung chính: nhóm từ cùng chủ đề, cách sử dụng của các loại động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể.

Trên cơ sở các chủ điểm chính, mỗi bài học được chia thành 4 phần. Phần I: tổng hợp chung về 1 chủ điểm ngữ pháp, bài tập luyện tập củng cố. Phần II: Listening Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng Nghe mô tả tranh, Nghe câu hỏi và cách đáp lại câu hỏi, Nghe các đoạn hội thoại ngắn. Phần III: Reading Comprehension, tập trung luyện các kỹ năng đọc hoàn thành câu, đọc các đoạn văn về chủ điểm cuộc sống đời thường, đọc các lá thư giao dịch thương mại. Phần 4: Speaking, giới thiệu về một chủ đề nhất định, luyện tập kỹ năng nói. Mỗi bài học đều có phần củng cố và luyện tập toàn bộ nội dung bài học đó.

12. Tiếng Anh 4

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thì hiện tại, tương lai, quá khứ và thì hoàn thành,

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên cách mở rộng vốn từ dùng các tiền tố, hậu tố, phân biệt danh từ, động từ, tính từ, giới từ, liên từ... về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: công nghệ, phương tiện giao thông, công việc, du lịch, mua sắm...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, đọc theo định dạng đề thi TOEIC. Kỹ năng nghe gồm 3 nội dung chính: nghe mô tả tranh, hỏi đáp và nghe đoạn hội thoại, đọc thoại, đoạn phỏng vấn. Kỹ năng đọc yêu cầu sinh viên hoàn thành câu, hoàn thành đoạn

văn, đọc hiểu một hoặc hai đến 3 đoạn văn để trả lời câu hỏi. Các đoạn văn về nhiều chủ đề khác nhau dưới dạng thư tín, thư điện tử, thông báo, quảng cáo, các ghi chú hoặc các bài tiểu luận,...

13. Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, so sánh kép, mệnh đề quan hệ, câu bị động, câu điều kiện, cách sử dụng động từ khuyết thiếu để đưa ra lời khuyên, cách sử dụng các phó từ, enough, too, so, such, phân biệt although, inspite of, though...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ vựng chuyên ngành may theo các chủ đề bài học, từ vựng về các loại sợi, các loại đường kẻ, các loại váy, cổ áo, cách là ủi....

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng Nói, Đọc, Viết về các chủ đề bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

14. Tiếng Trung 1

Học phần gồm 13 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Kỹ năng: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phiên âm và chữ viết tiếng Trung: phát âm, cách đọc biến âm, phiên âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ đề bài học.

- Từ vựng: Nội dung bài khóa cung cấp những từ mới, mẫu câu thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày (chào hỏi, hỏi địa điểm, xác nhận tên đồ vật, hỏi họ tên, giới thiệu - làm quen, hỏi địa chỉ, món ăn, miêu tả đồ vật, gia đình,...

- Ngữ pháp: Kiến thức ngữ pháp trong mỗi bài từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách sử dụng “们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少”, cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

- Bài 1 đến bài 13 mỗi bài đều có kết cấu: bài khóa, từ mới, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

15. Tiếng Trung 2

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về câu vị ngữ chủ vị, câu hỏi dùng “呢”, câu hỏi lựa chọn dùng liên từ “还是”; câu chữ “有”; câu vị ngữ danh từ; câu hỏi lựa chọn; câu vị ngữ hai tân ngữ; câu liên động. Cách dùng cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几, 多少”; liên từ “或者”; trạng ngữ chỉ thời gian; cấu trúc “又...又.....”; động từ lặp lại. Cách nói ngày tháng năm; giá tiền, số tự nhiên, sự tiến hành của động tác.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Miêu tả đồ vật, gia đình, mua quần áo, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, các hoạt động ở bưu điện, thời gian (ngày tháng),...

Kỹ năng: Học phân luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 6 phần, bài khóa, từ mới, ngữ pháp, kỹ năng và bài tập. Kiến thức mỗi phần đều từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

16. Tiếng Trung 3

- Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi mua đồ, các hoạt động hàng ngày, các hoạt động đang diễn ra, đến bưu điện, nói sở thích, cách biểu đạt thời gian thời gian.

- Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: cách nói ngày tháng năm - giờ, cách nói giá tiền, câu vị ngữ danh từ, câu hỏi lựa chọn, câu hai tân ngữ, câu liên động, câu kiêm ngữ, sự tiến hành của động tác, động từ lặp lại, cấu trúc “又...又.....”

- Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

17. Tiếng Trung 4

Học phần gồm 6 bài, mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

18. Tiếng Trung 5

Mỗi bài gồm bốn phần:

一、 Bài khóa: Nội dung các bài hội thoại về một vài chủ đề giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

二、 Từ mới: Cung cấp các từ mới có trong nội dung bài khóa

三、 Ngữ pháp: Cung cấp các hiện tượng ngữ

四、 Luyện tập: Hệ thống các bài tập từ đơn giản đến nâng cao để củng cố lại các kiến thức đã học có trong bài.

19. Tiếng Nhật 1

Học phần gồm 2 nội dung chính:

- Phần I: Chữ viết (Nhập môn Kana): giới thiệu cách viết, đọc 2 bảng chữ Hiragana và Katakana. Giúp sinh viên nhớ mặt chữ và viết đúng thứ tự nét viết.

- Phần II: Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 1 đến bài 4): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như nói về bản thân, hỏi tên, xuất thân, nghề nghiệp của đối tượng giao tiếp, xác định và áp dụng được cách miêu tả đồ vật, nơi chốn, hỏi giá cả, thời gian....

20. Tiếng Nhật 2

Học phần gồm các nội dung về: Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 5 đến bài 10): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị tình cảm đồng ý, tán thành

21. Tiếng Nhật 3

Học phần gồm các nội dung về : Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 11 đến bài 15): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như cách đưa lời mời thể lịch sự, cách nói sở thích, mong muốn hay ra mệnh lệnh...

22. Tiếng Nhật 4

Học phần gồm các nội dung về : Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 16 đến bài 20): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như liệt kê các hành động, giải thích nguyên nhân, lý do, kể lại các hoạt động đã thực hiện...

23. Tiếng Nhật 5

Học phần gồm các nội dung về : Ngữ pháp - Đọc hiểu và đàm thoại (bài 21 đến bài 25): giới thiệu những điểm ngữ pháp cơ bản, sau mỗi điểm ngữ pháp là phần luyện tập cơ bản để sinh viên có thể ứng dụng trong giao tiếp, cuộc sống hàng ngày và rèn kỹ năng đọc hiểu thông qua những bài đọc ngắn có nội dung đơn giản gần gũi với cuộc sống thường nhật như có thể nghe hiểu giao tiếp cơ bản về sở thích, gia đình, mua bán, giải trí, trường học, công việc, tình trạng sức khỏe...

24. Toán ứng dụng A1

Học phần Toán ứng dụng A1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính.

- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân và ứng dụng vào các bài toán trong kỹ thuật, chuỗi số và chuỗi hàm.

25. Toán ứng dụng A2

Học phần Toán ứng dụng A2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Giới hạn kép, sự liên tục, đạo hàm, vi phân và cực trị của hàm nhiều biến. Phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2, hệ phương trình vi phân. Tích phân kép, tích phân bội ba, tích phân đường loại 1, tích phân đường loại 2, tích phân mặt loại 1, tích phân mặt loại 2 và một số ứng dụng của chúng vào các bài toán trong kỹ thuật.

26. Vật lý ứng dụng A1

Nội dung học phần Vật lý ứng dụng 1 gồm các phần:

Động học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các loại chuyển động cơ học đặc biệt như chuyển động thẳng đều, chuyển động thẳng biến đổi đều, chuyển động tròn đều, chuyển động tròn biến đổi đều.

Động lực học chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật của Newton, các định lý động lượng, định luật bảo toàn cơ năng, giải bài toán động lực học bằng phương pháp động lực học và phương pháp năng lượng.

Động lực học hệ chất điểm: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các dạng chuyển động của vật rắn, phương trình mô tả và các đại lượng vật lý đặc trưng cho vật rắn quay quanh trục cố định.

Cơ học chất lưu: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các đại lượng vật lý, các phương trình và các nguyên lý đặc trưng cho chất lưu tĩnh và chất lưu chuyển động.

Nhiệt động lực học: Trọng tâm của chương nghiên cứu về các định luật thực nghiệm chất khí, phương trình trạng thái của khí lý tưởng, các nguyên lý và ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động lực học.

Thí nghiệm vật lý đại cương: Thực hiện một số bài thí nghiệm vật lý thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện, quang.

27. Vật lý ứng dụng A2

Nội dung học phần này trình bày những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Điện từ trường: Điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, điện từ trường biến thiên
- Dao động và sóng: Dao động và sóng cơ học, dao động và sóng điện từ
- Quang học: Tính chất sóng ánh sáng qua các hiện tượng: Giao thoa, nhiễu xạ, phân cực ánh sáng. Tính chất hạt ánh sáng qua hiện tượng bức xạ nhiệt, hiện tượng quang điện.

28. Hóa học ứng dụng D

Học phần Hóa học ứng dụng D đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Cấu tạo chất: Cấu tạo nguyên tử, bảng hệ thống tuần hoàn, các loại liên kết hóa học và dạng hình học của phân tử
- Nhiệt động hóa học: Các quá trình nhiệt hóa học, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, dung dịch, dung dịch điện ly, điện hóa học

29. Tin học cơ bản 1

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows 7, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, các kiến thức cơ bản về cách soạn và trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu.

30. Tin học cơ bản 2

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

31. An toàn lao động trong công nghiệp may

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường sản xuất và các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất may công nghiệp; các kiến thức về bảo hộ lao động, các điều kiện vệ sinh trong lao động: phòng chống cháy nổ, bụi, tiếng ồn, chất phóng xạ... trong các phân xưởng may công nghiệp; Các kỹ thuật an toàn lao động: an toàn điện, phòng chống cháy nổ, an toàn khi thiết kế và sử dụng máy móc may công nghiệp.

32. Hệ thống cỡ số trang phục

Học phần Hệ thống cỡ số trang phục gồm 3 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức về đặc điểm hình thái cơ thể người; Các cách phân loại hình dáng cơ thể người; Phương pháp đo thông số kích thước để thiết kế sản phẩm trang phục; Các bước xây dựng hệ thống cỡ số và yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống cỡ số.

33. Thiết bị may công nghiệp và bảo trì

Học phần thiết bị may công nghiệp và bảo trì nghiên cứu các nội dung: nghiên cứu về cấu tạo, đặc tính của các dạng mũi may áp dụng trong máy may; nghiên cứu cấu tạo nguyên lý làm việc; nghiên cứu về các thiết bị xử lý nhiệt hơi, thiết bị gá lắp áp dụng trong ngành công nghiệp may

34. Vật liệu dệt may

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và tính chất của một số nguyên liệu dệt, công nghệ sản xuất sợi , vải. Ngoài ra cung cấp những kiến thức về cấu trúc, tính chất của vải dệt thoi, dệt kim và phụ liệu may. Để từ đó giúp sinh viên biết nguồn gốc của nguyên liệu dệt, biết phân biệt và lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp với sản phẩm may.

35. Vẽ kỹ thuật ngành may

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong trình bày bản vẽ kỹ thuật nói chung và trình bày bản vẽ kỹ thuật ngành may nói riêng. Ký hiệu mặt cắt các đường may máy cơ bản. Phương pháp lập các bản vẽ mô tả phẳng sản phẩm mặt trước, mặt sau, mặt trong. Phương pháp vẽ phôi sản phẩm lên hình mẫu cơ thể người.

36. Kỹ thuật điện

Môn học kỹ thuật điện là một trong những môn cơ sở nhằm cung cấp cho sinh viên khả năng nghiên cứu các phương pháp biểu diễn, phân tích, tính toán và tổng hợp các hệ thống điện đồng thời cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý làm việc của các máy điện, khí cụ điện và cung cấp điện.

37. Cơ sở thiết kế trang phục

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng và yêu cầu đối với quần áo, mối quan hệ giữa kích thước cơ thể người với quần áo, phương pháp thiết kế các loại sản phẩm quần, áo trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với các loại sản phẩm may mặc.

Học phần còn giúp cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức nắm được và thực hành tốt phương pháp thiết kế một số kiểu mẫu quần áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế mẫu mới hợp lý và khoa học.

38. Thiết kế trang phục 1

Học phần giúp sinh viên nắm được phương pháp thiết kế các loại sản phẩm quần, áo trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với các loại quần áo kiểu cơ bản. Học phần còn giúp sinh viên có được kỹ năng thiết kế một số kiểu mẫu quần áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế và phát triển mẫu mới hợp lý và khoa học.

39. Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may

Học phần mô tả những kiến thức cơ bản về tính chất, phạm vi ứng dụng, bảo quản của các loại hóa chất. Quá trình xử lý vải trước và sau nhuộm, in hoa. Quá trình nhuộm của một số loại vải thông dụng. Ngoài ra học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình in hoa trên sản phẩm dệt may.

40. Thực hành may 1

Học phần trang bị cho sinh viên các kỹ năng:

- Vận hành máy may một kim và một số máy chuyên dùng ngành may.
- May các đường may tay, may máy cơ bản
- Gia công các đường may mở trên sản phẩm, may các kiểu cổ áo, gia công công các kiểu túi trên các loại sản phẩm may.

Học phần giúp sinh viên hình thành và rèn luyện tác phong công nghiệp.

41. Công nghệ may trang phục 1

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật may cơ bản trong may công nghiệp, đặc điểm, tính chất của các đường may máy, kỹ thuật may các bộ phận của sản phẩm. Phương pháp phân tích sản phẩm, quy trình gia công và cách vẽ mặt cắt của đường may, cụm chi tiết trên sản phẩm.

42. Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may công nghiệp bao gồm: Tổ chức quản lý doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp; Công tác con người trong doanh nghiệp, công tác chỉ huy điều hành sản xuất từ đó rút ra một phương pháp quản lý sản xuất trong ngành may công nghiệp một cách khoa học và hiệu quả; Các phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO-9000, quản lý chất lượng các công đoạn trong may công nghiệp, cách kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm, các chỉ tiêu để đánh giá chính xác sản phẩm đảm bảo chất lượng.

43. Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark

Học phần Thiết kế giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark gồm 3 chương: Chương 1: gồm hai bài nghiên cứu về ý nghĩa các ứng dụng chính của phần mềm; Chương 2: gồm 3 bài nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng sử dụng phần mềm thiết kế, nhảy mẫu, số hóa chi tiết. Chương 3: gồm 2 bài nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng về thiết lập sơ đồ và các kỹ thuật giác sơ đồ.

44. Thiết kế trang phục 2

Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng các loại mẫu trung bình và phương pháp nhảy mẫu theo bảng thông số kỹ thuật dùng trong sản xuất may công nghiệp và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế cho mã hàng chuẩn bị đưa vào sản xuất.

45. Thực hành may 2

Học phần Thực hành may 2 trang bị cho sinh viên kỹ năng: May hoàn chỉnh áo sơ mi nam nữ, quần âu nam nữ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo thiết kế. Giúp sinh viên rèn luyện tác phong công nghiệp.

46. Thực hành thiết kế trang phục

Học phần Thực hành thiết kế trang phục trang bị cho sinh viên các kỹ năng thiết kế các sản phẩm quần áo cơ bản và nâng cao theo số đo mẫu trên cơ thể; kỹ năng thiết kế, nhảy mẫu cho các dạng sản phẩm cơ bản như áo sơ mi, quần âu, áo Jacket...trong may công nghiệp.

47. Công nghệ may trang phục 2

Học phần Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sản phẩm may và quá trình công nghệ may, phương pháp giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, định mức thời gian gia công sản phẩm, xây dựng tài liệu kỹ thuật công nghệ.

48. Công nghệ may trang phục 3

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công đoạn trong quá trình sản xuất may công nghiệp; kiến thức về phân tích và xây dựng quy trình gia công sản phẩm may trong doanh nghiệp; kỹ năng xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm.

49. Đồ án công nghệ may

Đồ án công nghệ may sẽ giúp cho sinh viên tổng hợp kiến thức các môn học của chuyên ngành Công nghệ may, gồm: Hình họa vẽ kỹ thuật ngành may, Thiết kế trang phục 2, Công nghệ may 1, Công nghệ may 2, Công nghệ may 3, Thực hành công nghệ, Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính, Thực hành may

50. Đồ án thiết kế trang phục

Học phần đồ án thiết kế trang phục sẽ giúp cho sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết đã học và kinh nghiệm thực tế tại xưởng trường và doanh nghiệp may công nghiệp để thiết kế và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế phục vụ cho sản xuất.

51. Thiết kế trang phục 3

Học phần Thiết kế trang phục 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp đo các thông số kích thước trên Manocanh; Phương pháp thiết kế bộ mẫu cơ bản;

Các nguyên tắc tạo mẫu chính; Phương pháp thiết kế một số kiểu tay áo, váy áo trên cơ sở bộ mẫu cơ bản.

52. Thiết kế & điều hành dây chuyền may

Môn học giới thiệu khái quát chung về dây chuyền sản xuất, sinh viên nắm được kiến thức phân loại dây chuyền trong may công nghiệp, những điều kiện để tổ chức một dây chuyền may, hiệu quả và những yếu tố ảnh hưởng đến việc sản xuất trong dây chuyền may công nghiệp. Sinh viên học cách phân tích quy trình công nghệ gia công sản phẩm may. Qua đó nâng cao kiến thức và kỹ năng của người điều hành dây chuyền. Sinh viên xây dựng được những phương pháp thiết kế và tổ chức các loại dây chuyền trên các mặt hàng khác nhau, đồng thời đưa ra biện pháp nâng cao hiệu quả của dây chuyền sản xuất may công nghiệp.

53. Thực hành công nghệ

Học phần Thực hành công nghệ trang bị cho sinh viên kỹ năng ra mẫu, chế tạo mẫu hướng dẫn sản xuất, kỹ năng may mẫu, giác sơ đồ. Thông qua nội dung của các bài học giúp sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tự chịu trách nhiệm và tác phong công nghiệp.

54. Thực hành may 3

Môn học thực hành may 3 đào tạo cho sinh viên năm thứ 4 chuyên ngành công nghệ may. Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng may các sản phẩm: như: Veston nữ, Veston nam đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo ý tưởng của nhà thiết kế.

55. Thực hành may 4

Học phần Thực hành may 4 trang bị cho sinh viên các kỹ năng của một người chuyên trưởng như: kỹ năng giải chuyên, kỹ năng quản lý tổ chức chuyên may, kỹ năng quản lý chất lượng và năng suất trên chuyên.

56. Mỹ thuật trang phục

Nội dung học phần Mỹ thuật trang phục trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trang phục, thời trang và mốt, màu sắc trong lĩnh vực thời trang, hình dáng, họa tiết, chất liệu sử dụng trong ngành thời trang, bố cục trang phục.

57. Quản lý đơn hàng ngành may

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan về công tác quản lý đơn hàng; công việc của nhân viên quản lý đơn hàng và cách thức trình bày thư điện tử trong công tác quản lý đơn hàng ngành may.

58. Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm

Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm Lectra vào thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ cho các mã hàng khác nhau.

59. Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm

Optitex là phần mềm chuyên ngành may được các doanh nghiệp may sử dụng để phục vụ công tác chuẩn bị mẫu cho sản xuất. Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phần mềm Optitex vào thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ cho các mã hàng khác nhau.

60. Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may

Học phần Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may được học ở năm thứ 4, sau khi người học đã học xong các môn học: tin học đại cương, Hình họa vẽ kỹ thuật ngành may, Công nghệ may trang phục 1 và 2.

Học phần đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các phần mềm đồ họa mà điển hình là phần mềm Corel draw vào thiết kế các bản vẽ mỹ thuật và kỹ thuật ngành may.

61. Phát triển mẫu trên ma-nơ-canh

Học phần Phát triển mẫu trên ma-nơ-canh với mục đích giúp sinh viên áp dụng được cách thức làm việc mới, sáng tạo, hiệu quả để bắt kịp với xu hướng sáng tác, tạo mẫu thời trang trên ma-nơ-canh. Phương pháp thiết kế mẫu trên ma-nơ-canh là một phương pháp dựng mẫu trực tiếp trên mô hình người làm bằng mút, xốp (ma-nơ-canh) để có thể ghim, đính, tạo hình trang phục trên đó. Phương pháp này giúp cho người thiết kế có thể thỏa sức sáng tạo các kiểu dáng thiết kế đặc biệt mà phương pháp cắt thông thường không làm được.

62. Sáng tác mẫu thời trang

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về thiết kế trang phục trẻ em, trang phục nữ: nghiên cứu thị trường; nghiên cứu xu hướng thời trang; xây dựng bảng cảm xúc sáng tác; phát triển ý tưởng; lựa chọn thông số cử động phù hợp với kiểu dáng sản phẩm; thiết kế dựng hình một số trang phục trẻ em, trang phục nữ; phương pháp tạo mẫu... nhằm hình thành khả năng sáng tác mẫu, phân tích mẫu và triển khai quy trình thiết kế phù hợp.

63. Thực hành thiết kế trang phục trẻ em

Học phần Thực hành thiết kế trang phục trẻ em trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thiết kế các loại trang phục của trẻ em như: bao tay, bao chân, yếm, áo, jumpsuit, váy, quần sooc...

64. Thực tập sản xuất

Học phần thực tập sản xuất được học ở năm thứ 4 sau khi người học xong các môn học kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Nội dung học phần giúp người học củng cố kỹ năng thực hành may, kỹ năng vận hành thiết bị, tham gia vào quá trình sản xuất từ đó làm quen với thực tế sản xuất của các doanh nghiệp may. Rèn luyện tác phong và kỷ luật công nghiệp

65. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp được học ở năm thứ 4, sau khi người học đã học xong các môn học cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên sâu

Nội dung học phần: Giúp cho sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết, liên kết giữa lý thuyết với thực tế sản xuất tại các cơ sở sản xuất may công nghiệp. Củng cố các kỹ năng vận hành các loại máy móc thiết bị trong may công nghiệp, tham gia quá trình sản xuất, làm quen với thực tiễn sản xuất. Rèn luyện tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động trong doanh nghiệp may công nghiệp. Nghiên cứu công nghệ sản xuất may, tìm hiểu công việc của một kỹ thuật viên như: Phương pháp lập kế hoạch sản xuất, cách thức tổ chức triển khai sản xuất và các hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

66. Đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp được thực hiện ở kỳ cuối cùng của chương trình học, sau khi người học đã hoàn thành các học phần cơ sở và học phần chuyên môn chuyên sâu, thực tập tốt nghiệp. Nội dung của học phần giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong sản xuất may công nghiệp.

67. Chế tạo cỡ gá may công nghiệp

- Môn học chế tạo cỡ gá giúp sinh viên nâng cao kỹ năng về phân tích kết cấu bộ phận chủ yếu, thiết kế và chế tạo cỡ gá may các bộ phận chủ yếu của một số mặt hàng thông dụng trong sản xuất may công nghiệp như: Bộ phận chủ yếu quần âu, bộ phận chủ yếu áo sơ mi, bộ phận chủ yếu áo jacket. Áp dụng các loại cỡ gá chế tạo đó vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm.

- Củng cố kỹ năng vẽ và giải thích kết cấu mặt cắt, xây dựng được trình tự may bộ phận chủ yếu của quần âu, áo sơ mi, áo jacket.

68. Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp

Học phần Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thiết kế áo dài truyền thống, áo dài cách tân; kỹ năng may áo dài, áo măng tô nữ. Học phần giúp sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong cắt may thời trang cao cấp.

69. Thực hành may các sản phẩm dệt kim

Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng:

- Vận hành thành thạo các loại thiết bị sản xuất mặt hàng dệt kim: Vắt sỏ, trần ðe, kansai...

- Xây dựng quy trình may chuẩn của các sản phẩm dệt kim cơ bản.

- Thực hiện các thao tác may chuẩn trên các bộ phận chủ yếu: May túi ngực, may cổ trụ, may cửa tay, may gấu áo, chắp vai con, tra tay, tra cổ, chắp sườn bụng tay... trên chất liệu vải dệt kim.

- Lắp ráp hoàn chỉnh các kiểu sản phẩm dệt kim cơ bản.

70. Giáo dục quốc phòng an ninh

Môn học GDQP&AN trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

GDQP-AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Hoàn thành tốt môn học giáo dục quốc phòng - an ninh là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thấp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

71. Kỹ năng mềm:

Kỹ năng mềm 1

Học phần Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các vấn đề cần thiết giao tiếp, các phương tiện và hình thức giao tiếp, khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm, sinh viên có được các kỹ năng về giao tiếp, ứng xử, làm việc nhóm, từ đó biết vận dụng vào trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.

Kỹ năng mềm 2

Chương trình học phần này gồm 1 bài và phần kiểm tra tổng hợp việc rèn luyện các kỹ năng đã học. Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, đặc điểm, lợi ích của kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, các bước và phương pháp tư duy sáng tạo, tư duy phản biện. Hình thành cho sinh viên tư duy sáng tạo và phản biện trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống. Đồng thời tổng hợp được các hoạt động ngoại khóa sinh viên đã tham gia để rèn luyện các kỹ năng.

Kỹ năng mềm 3

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng thích ứng, kỹ năng lập kế hoạch – tổ chức công việc và tổ chức sự kiện. Các biểu hiện của kỹ năng thích ứng với môi trường sống, trong học tập và môi trường làm việc của sinh viên. Các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng, các loại kế hoạch, phân loại sự kiện và các quy trình tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên khả năng thích ứng, cách lập kế hoạch trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện.

Kỹ năng mềm 4

Chương trình học phần gồm 1 bài và phần kiểm tra tổng hợp việc rèn luyện các kỹ năng đã học. Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, trả lời phỏng vấn tuyển dụng và các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với nhu cầu việc làm của thực tiễn.

72. Giáo dục thể chất

Học phần giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung cơ bản về kỹ thuật chạy cự ly ngắn; kỹ thuật bóng đá, các kỹ thuật của môn bóng chuyền trong nhà nhằm hình thành những kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.

11.2. Đề cương chi tiết học phần (Có phụ lục kèm theo)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
1.	Phạm Xuân Đức	1980	ThS. Triết học	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Triết học Mác - Lênin Tư tưởng Hồ Chí Minh Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm
2.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Triết học Mác - Lênin

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Kỹ năng mềm
3.	Nguyễn Thị Hiền	1985	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Triết học Mác - Lênin Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm
4.	Đỗ Thị Thuỳ	1985	ThS. Triết học	Triết học Mác - Lênin Pháp luật đại cương
5.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	TS. Kinh tế quốc tế	Chủ nghĩa xã hội khoa học Kinh tế chính trị Mác - Lênin Kỹ năng mềm
6.	Vũ Văn Đông	1982	ThS. Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Kỹ năng mềm
7.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	ThS. Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng mềm
8.	Nguyễn Thị Tinh	1986	ThS. Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng mềm
9.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	ThS. Quản trị kinh doanh	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Pháp luật đại cương Kỹ năng mềm
10.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ/Lịch sử Đảng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Tư tưởng Hồ Chí Minh Kỹ năng mềm
11.	Phạm Thị Mai	1982	ThS. Lý luận nhà nước về pháp luật	Pháp luật đại cương
12.	Hà Đình Soát	1981	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
13.	Phạm Anh Dũng	1981	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Giáo dục Quốc phòng - An ninh
14.	Vũ Tiến Hiếu	1986	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
15.	Nguyễn Đức Thuần	1989	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
16.	Quán Thanh Tùng	1990	ThS. Khoa học giáo dục	Giáo dục thể chất Giáo dục Quốc phòng - An ninh
17.	Vũ Văn Chương	1974	ThS. Công nghệ cơ khí	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
18.	Nguyễn Thị Nhan	1987	ThS. Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
19.	Phạm Văn Dự	1984	TS. Chủ nghĩa duy vật biện chứng	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Triết học Mác - Lênin
20.	Trịnh Thị Chuyên	1981	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 3 Tiếng Anh 4
21.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2
22.	Vũ Thị Lương	1978	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 4
23.	Trần Hoàng Yến	1982	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 2
24.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 4
25.	Đặng Thị Thanh	1979	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 2 Tiếng Anh 3 Tiếng Nhật 1 Tiếng Nhật 2 Tiếng Nhật 3 Tiếng Nhật 4 Tiếng Nhật 5
26.	Trần Thị Mai Hương	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 3
27.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh 3

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
28.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	ThS. Tiếng Anh	Tiếng Anh chuyên ngành CN dệt, may
29.	Nguyễn Thị Hoa	1981	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 Tiếng Trung 2 Tiếng Trung 3 Tiếng Trung 4 Tiếng Trung 5
30.	Nguyễn Thị Lan	1980	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 Tiếng Trung 2 Tiếng Trung 3 Tiếng Trung 4 Tiếng Trung 5
31.	Bùi Thị Trang	1987	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 Tiếng Trung 2 Tiếng Trung 3 Tiếng Trung 4 Tiếng Trung 5
32.	Nguyễn Thị Xuyên	1989	ThS. Tiếng Trung	Tiếng Trung 1 Tiếng Trung 2 Tiếng Trung 3
33.	Nguyễn Kiều Hiền	1986	ThS. Toán	Toán ứng dụng A1 Toán ứng dụng A2
34.	Nguyễn Thị Hồng	1986	ThS. Toán	Toán ứng dụng A1 Toán ứng dụng A2
35.	Nguyễn Thị Huệ	1985	ThS. Toán	Toán ứng dụng A1 Toán ứng dụng A2
36.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1979	ThS. Toán	Toán ứng dụng A1 Toán ứng dụng A2
37.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	ThS. Toán	Toán ứng dụng A1 Toán ứng dụng A2
38.	Nguyễn Ngọc Tú	1985	ThS. Vật lý	Vật lý ứng dụng 1 Vật lý ứng dụng 2
39.	Mạc Thị Lê	1984	ThS. Vật lý	Vật lý ứng dụng 1 Vật lý ứng dụng 2
40.	Vũ Hoàng Phương	1983	ThS. Hóa học	Hóa học ứng dụng D
41.	Phạm Thị Diệp	1985	TS. Hóa học	Hóa học ứng dụng D
42.	Phạm Văn Kiên	1979	ThS. Công nghệ	Tin học cơ bản 1

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
			thông tin	Tin học cơ bản 2
43.	Vũ Bảo Tạo	1979	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
44.	Phạm Thị Hương	1981	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
45.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
46.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
47.	Hoàng Thị Ngát	1985	ThS. Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
48.	Hoàng Thị An	1987	ThS. Khoa học máy tính	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
49.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	ThS. Công nghệ thông tin	Tin học cơ bản 1 Tin học cơ bản 2
50.	Nguyễn Thị P Oanh	1980	ThS. Tự động hóa	Kỹ thuật điện
51.	Nguyễn Thị V Hương	1986	ThS. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Kỹ thuật điện
52.	Lương Thị T Xuân	1980	ThS. Tự động hóa	Kỹ thuật điện
53.	Tạ Văn Hiến	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thiết kế - Giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark Quản lý đơn hàng ngành may Thiết kế - Giác sơ đồ trên phần mềm Lectra Thiết kế - Giác sơ đồ trên phần mềm Optitex
54.	Trần Hải Đăng	1982	Tiến sĩ	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì Vẽ kỹ thuật ngành may
55.	Bùi Thị Loan	1982	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Hệ thống cỡ số trang phục Thiết kế trang phục 3 Thiết kế và điều hành dây chuyền may

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				Quản lý đơn hàng ngành may
56.	Phạm Thị Kim Phúc	1980	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Cơ sở thiết kế trang phục Thiết kế trang phục 1 Thiết kế trang phục 2 Thực hành thiết kế trang phục
57.	Đỗ Thị Thu Hà	1977	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực hành may 3 Thực hành may 4 Thiết kế, nháy mẫu và GSD trên phần mềm Accumark Thiết kế, nháy mẫu và GSD trên phần mềm Optitex Thực tập tốt nghiệp
58.	Nguyễn Thị Hằng	1982	Thạc sĩ	Thực hành may 1 Thực hành may 2 Thiết bị may công nghiệp và bảo trì Mỹ thuật trang phục
59.	Nguyễn Thị Hôi	1982	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Công nghệ may trang phục 1 Công nghệ may trang phục 2 Mỹ thuật trang phục Thực hành thiết kế trang phục Đồ án thiết kế trang phục
60.	Đỗ Thị Làn	1980	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may Công nghệ may trang phục 3 Thiết kế và điều hành dây chuyền may Công nghệ may trang phục 1 Công nghệ may trang phục 2
61.	Nguyễn Thị Hiền	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì Vật liệu dệt may An toàn lao động trong may công nghiệp Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt

TT	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo	Môn học / học phần sẽ giảng dạy
				may Thực hành thiết kế trang phục
62.	Phạm Thị H.H. Tươi	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực hành may 1 Thực hành may 2 Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp Thực tập sản xuất Thực hành may 4
63.	Lại Hồng Hà	1981	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực hành may 3 Thực hành công nghệ may Thực hành may các sản phẩm dệt kim, Thực tập tốt nghiệp Phát triển mẫu trên manocanh
64.	Đỗ Thị Tần	1979	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực hành may 1 Thực hành may 2 Thực hành công nghệ may Thực hành may các sản phẩm dệt kim Đồ án công nghệ may
65.	Nguyễn Quang Thoại	1983	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	Thực tập tốt nghiệp Thực tập sản xuất Chế tạo cỡ gá may công nghiệp Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may Thực hành sửa chữa
66.	Mạc Thị Hà	1983	Thạc sĩ CN vật liệu Dệt May	An toàn lao động trong may công nghiệp Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may Thực hành may 1

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

TT	Tên phòng thực hành, thí nghiệm	Số lượng	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành may 1	01	Máy may 1 kim JUKI DDL 8700B -7 Máy 2 kim JUKI LH- 3528A Máy may Zíc Zắc LZ- 2284 N Máy đính bọ BROTHER KE-430F-O Máy vắt sỏ Ya ma to Máyl Kim SUN FLY Máy 2 kim LH-3568A- 7 Máy vắt sỏ PEGASUS Máy Kan sai Ya ma to Máy trần đề TY 007J
2	Phòng thực hành may 2	01	Máy 1 kim JUKI DDL-8100 e Máy 1 kim JUKI DDL 8700 -7 Máy vắt sỏ GN20-5
3	Phòng thực hành may 3	01	Máy 1 kim JUKI DDL-8100 e Máy vắt sỏ GN20-5
4	Phòng thực hành may 4	01	Máy 1 kim JUKI DDL-700A 7 Máy vắt sỏ GN20-5
5	Xưởng cắt		Máy 12 kim VC 008 Máy cắt vải đẩy tay Máy ép mex HASHIMA Nồi hơi (Bình hơi nước) Bàn hút hơi nước Máy cắt vòng PC- 700A Máy cắt đầu bàn JIE SHI Máy chế tạo đồ gá Máy nén khí Máy thùa LBH -781 Máy đính JUKI MB- 1377 Máy 1 kim JUKI DDL 8700 -7 Máy 1 kim JUKI DDL 8700 Máy Thùa LBH- 792-1 Máy đính cúc MB 373
6	Phòng thực hành CAD/CAM	01	Máy tính để bàn Bảng số hóa Máy in cắt hai trong một Máy chiếu đa năng
7	Phòng hội thảo	01	Máy chiếu đa năng Bộ loa mic Ghế liền bàn

- Các phòng học lý thuyết được trang bị máy chiếu đa năng, màn hình LED, điều hoà.

- Phòng thi trắc nghiệm, phòng học ngoại ngữ được trang bị hệ thống thiết bị mới, hiện đại.

13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 615m² với 300 chỗ ngồi và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Thư viện điện tử được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các thư viện Việt Nam phục vụ tra cứu và học tập.

13.3. Giáo trình, tập bài giảng

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
I	Giáo trình, tài liệu lưu hành nội bộ			
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học		ihc Sao	2019
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		”	2019
3.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		”	2019
4.	Triết học Mác-Lênin		”	2019
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		”	2019
6.	Pháp luật đại cương		”	2019
7.	Khởi nghiệp kinh doanh		”	2018
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học		”	2019
9.	Toán ứng dụng A1		”	2018
10.	Toán ứng dụng A2		”	2018
11.	Vật lý ứng dụng A1		”	2018
12.	Vật lý ứng dụng A2		”	2018
13.	Hóa học ứng dụng D		”	2020
14.	Tin học cơ bản 1		”	2018
15.	Tin học cơ bản 2		”	2018
16.	An toàn lao động trong may công nghiệp		”	2019
17.	Cơ sở thiết kế trang phục		”	2020
18.	Hệ thống cỡ số trang phục		”	2019
19.	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì		”	2019
20.	Vật liệu dệt may		”	2019
21.	Vẽ kỹ thuật ngành may		”	2019
22.	Kỹ thuật điện		”	2018
23.	Công nghệ may trang phục 1		”	2019
24.	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may		”	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
25.	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark		”	2019
26.	Thiết kế trang phục 1		”	2020
27.	Thiết kế trang phục 2		”	2019
28.	Thực hành may 1		”	2020
29.	Thực hành may 2		”	2020
30.	Thực hành thiết kế trang phục		”	2020
31.	Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may		”	2019
32.	Công nghệ may trang phục 2		”	2020
33.	Công nghệ may trang phục 3		”	2020
34.	Đồ án công nghệ may		”	2019
35.	Đồ án thiết kế trang phục		”	2019
36.	Thiết kế trang phục 3		”	2019
37.	Thiết kế và điều hành dây chuyền may		”	2019
38.	Thực hành công nghệ may		”	2019
39.	Thực hành may 3		”	2020
40.	Thực hành may 4		”	2019
41.	Mỹ thuật trang phục		”	2019
42.	Quản lý đơn hàng ngành may		”	2019
43.	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra		”	2019
44.	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex		”	2019
45.	Đồ hoạ kỹ thuật ứng dụng ngành may		”	2019
46.	Phát triển mẫu trên Manocanh		”	2019
47.	Sáng tác mẫu thời trang		”	2019
48.	Thực hành thiết kế trang phục trẻ em		”	2019
49.	Chế tạo cỡ gá may công nghiệp		”	2019
50.	Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp		”	2019
51.	Thực hành may các sản phẩm dệt kim		”	2019

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
52.	Kỹ năng mềm		”	2019
II	Giáo trình tham khảo			
53.	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Nguyễn Hữu Vui, Nguyễn Ngọc Long	NXB Chính trị quốc gia	2002
54.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác –Lênin	Nguyễn Việt Thông	NXB Chính trị quốc gia	2009
55.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia	2016
56.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2006
57.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập I	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
58.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập II	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
59.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập III	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2009
60.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2010
61.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung ương chỉ đạo giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia	2003
62.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB Chính trị quốc gia	2016
63.	Hồ Chí Minh toàn tập, từ tập 1 đến tập 15		NXB Chính trị quốc gia	2011
64.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	2011

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
65.	Văn kiện Toàn tập		NXB Chính trị quốc gia	2000
66.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Khoa Luật, ĐH Quốc gia Hà nội	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	2002
67.	Hiến pháp năm 2013	Quốc hội		2013
68.	Bộ luật hình sự 2015	Quốc hội		2015
69.	Bộ luật tố tụng hình sự 2015	Quốc hội		2015
70.	Bộ luật Lao động 2015	Quốc hội		2015
71.	Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014	Quốc hội		2014
72.	Luật phòng, chống tham nhũng năm 2016	Quốc hội		2016
73.	Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013	Quốc hội		2013
74.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	2004
75.	Big Step TOEIC 1	Kim Soyeong - Park Won	NXB Tổng hợp Thành phố HCM	2017
76.	Từ điển kỹ thuật Điện Anh Việt	Đỗ Quang Đạt, Đỗ Gia Phan	NXB Khoa học và kỹ thuật	2010
77.	English in Electrical Engineering and Electronics	Eric H. Glendinning	Oxford University Press	2011
78.	Oxford English for Electrical and Mechanical Engineering	Eric H. Glendinning, Norman Glendinning	Oxford University Press	2009
79.	English for Fashion Industry	Mary E.ward	Oxford University Press	2016
80.	汉语会话301句, Tập 1	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	NXB Khoa học Xã Hội	2009
81.	汉语会话301句, Tập 2	Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục biên dịch	NXB Khoa học Xã Hội	2009
82.	Thực hành ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	Nguyễn Hữu Trí	NXB Đà Nẵng	2003
83.	Toán Cao Cấp tập 1	Nguyễn Đình	NXB Giáo dục	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
		Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	Việt Nam	
84.	Toán Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam	2010
85.	Toán Cao Cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
86.	Bài tập toán Cao Cấp tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
87.	Bài tập toán Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
88.	Bài tập toán Cao Cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
89.	Toán cao cấp Giải tích hàm nhiều biến số, phương trình vi phân	Đỗ Công Khanh	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh	2010
90.	Cơ sở Vật lý tập 1	David Haliday	NXB Giáo dục Việt Nam	2001
91.	Cơ sở Vật lý tập 2	David Haliday	NXB Giáo dục Việt Nam	2001
92.	Cơ sở Vật lý tập 3	David Haliday	NXB Giáo dục Việt Nam	2001
93.	Cơ sở Vật lý tập 4	David Haliday	NXB Giáo dục Việt Nam	2001
94.	Cơ sở Vật lý tập 5	David Haliday	Giáo dục	2001
95.	Cơ sở Vật lý tập 6	David Haliday	NXB Giáo dục Việt Nam	2001

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
96.	Vật lý đại cương tập 1	Lương Duyên Bình	NXB Giáo dục Việt Nam	2010
97.	Hóa học đại cương	Lê Mậu Quyền	NXB Giáo dục Việt Nam	2003
98.	Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Vũ Đăng Độ	NXB Giáo dục Việt Nam	2004
99.	Giáo trình tự học Office 2013 cơ bản	Tài liệu Ebook		
100.	Tin học đại cương	Bùi Thế Tâm	NXB Thời đại	2007
101.	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển		NXB Thể dục thể thao	2013
102.	Luật thi đấu điền kinh	Tổng cục TDTT	NXB Thể thao và Du lịch	2018
103.	Lý luận và phương pháp TDTT	Nguyễn Toán, TS Phạm Danh Tồn	NXB Thể thao và Du lịch	2006
104.	Giáo trình cầu lông dùng cho sinh viên ĐH SP TDTT Hà Nội	Hương Xuân Nguyên	NXB Thể thao và Du lịch	2014
105.	Giáo trình Giáo dục quốc phòng (Tập 1,2)	Bộ GD&ĐT	NXB Giáo dục Việt Nam	2003
106.	Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự dùng cho đào tạo giáo viên GDQP	Bộ GD&ĐT	NXB Giáo dục Việt Nam	2012
107.	Một số văn bản về Giáo dục quốc phòng - an ninh cho HS,SV	Bộ GD&ĐT	NXB Quân đội nhân dân	2008
108.	Văn hoá giao tiếp ứng xử	Đinh Viễn Trí, Đông Phương Trí	NXB Văn hoá - Thông tin	2009
109.	Kỹ năng giao tiếp xã hội	Minh Dũng, Kim Lan	NXB Thanh niên	2010
110.	Kỹ năng Làm việc nhóm	Lại Thế Luyện	NXB Thời đại	2010
111.	Kỹ năng tư duy sáng tạo	Lại Thế Luyện	NXB Thời đại	2018
112.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên	2010
113.	Kỹ năng quản trò & 325 trò	Trần Hoàng	NXB Văn hóa	2009

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	chơi tập thể thanh thiếu niên	Trung	Thông tin	
114.	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Khuyên Trần	NXB Khoa học xã hội	2016
115.	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yến Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên	2016
116.	Kỹ thuật điện	Đặng Văn Đào, Lê Văn Doanh	NXB Khoa học và kỹ thuật	2010
117.	Máy điện – Tập 1, 2	Vũ Gia Hanh	NXB Khoa học và kỹ thuật	2009
118.	Cơ sở thiết kế trang phục	Nguyễn Thị Mộng Hiền	NXB Đại học Quốc Gia TP. HCM	2011
119.	Thiết kế quần áo	Trần Thủy Bình	NXB Giáo dục Việt Nam	2005
120.	Thiết kế trang phục 3	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
121.	Thiết kế trang phục 4	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
122.	Hệ thống bài tập thiết kế trang phục 4	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2007
123.	Thiết kế trang phục 5	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
124.	Vật liệu dệt	Nguyễn Văn Lân	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2011
125.	Vật liệu dệt, may	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2006
126.	Cấu trúc vải dệt kim	Lê Hữu Chiến	NXB Bách khoa Hà Nội	2003
127.	Công nghệ nhuộm và hoàn tất	Nguyễn Công Toàn	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2010
128.	Thiết bị trong công nghiệp may	Nguyễn Trọng Hùng Nguyễn Phương Hoa	NXB Khoa học kỹ thuật	2001
129.	Vẽ mỹ thuật trang phục	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2006
130.	Mỹ thuật trang phục	Trần Thủy Bình	NXB Giáo dục	2005

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
			Việt Nam	
131.	Nguyên tắc thiết kế thời trang	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2008
132.	Giáo trình Công nghệ sản xuất may	ThS. Trần Thanh Hương	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2014
133.	Giáo trình công nghệ may 1	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2005
134.	Giáo trình Công nghệ may	Lê Thị Kiều Liên	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2007
135.	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	Võ Phước Tấn	NXB Thống kê	2006
136.	Quản lý chất lượng trang phục	Võ Phước Tấn, Phạm Nhất Chi Mai	NXB Lao động XH	2006
137.	Hướng dẫn sử dụng phần mềm AccuMark cho thiết kế quần áo	Lã Thị Ngọc Anh	NXB Giáo dục Việt Nam	2013
138.	Ứng dụng phần mềm trong giảng dạy ngành công nghệ may và giày da	Vũ Thanh Chương	NXB Khoa học và kỹ thuật	2012
139.	Lectra & thiết kế trang phục	Nguyễn Thị Mộng Hiền	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2014
140.	Giác sơ đồ trên máy tính	Võ Phước Tấn	NXB Lao động XH	2006
141.	Quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn Tấn Thịnh	NXB Khoa học và kỹ thuật	2005
142.	Công nghệ may trang phục	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
143.	Công nghệ may 5	Võ Phước Tấn	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
144.	Công nghệ may TP 3	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
145.	Xử lý thông kê số liệu thực nghiệm và những ví dụ ứng dụng trong ngành dệt may	Nguyễn Văn Lân	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2004
146.	Quản lý sản xuất ngành may	Nguyễn Minh Hà	NXB ĐH quốc	2006

TT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
	công nghiệp		gia TP HCM.	
147.	Công nghệ may TP 2	ThS Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2008
148.	Công nghệ sản xuất	Trần Thanh Hương	NXB ĐH quốc gia TP HCM	2014
149.	Vẽ kỹ thuật ngành cơ khí	Trần Hữu Quế	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
150.	Công nghệ may	Lê Thị Kiều Liên	NXB ĐH quốc gia TP HCM.	2007
151.	Sổ tay an toàn vệ sinh lao động	Trần Ngọc Lâm	NXB Thông tin và truyền thông	2017
152.	Giáo trình an toàn và vệ sinh lao động trong ngành May	Nguyễn Thị Mỹ Linh	NXB Trường Đại học Quốc gia TP HCM	2018

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Quá trình đào tạo nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên.

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành đang theo học, nhà trường bố trí tham quan một số doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành Công nghệ dệt, may.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11,...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
3	Tham quan phòng	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ	Rèn luyện ý thức, tổ

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
	truyền thông của ngành, của trường		trong tuần	chức, kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường
4	Đi thực tế tại các doanh nghiệp, cơ sở đang sản xuất	Tập trung nhóm	Năm học thứ 3 hoặc thứ 4 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Hoạt động thư viện (Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện nghiên cứu và tham khảo tài liệu)	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn, tìm kiếm thông tin ngành theo học trên Internet

14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 45 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm; từ 60 phút đến 90 phút đối với thi tự luận; từ 90 phút đến 120 phút đối với thi thực hành; được xác định và có hướng dẫn cụ thể trong đề cương chi tiết.

14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục đại học ngành Công nghệ dệt, may và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo đại học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm đề án tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế đề án tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.



TS. Đinh Văn Nhượng